TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Dương Triết Minh và ông Phan Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị T, sinh năm 1988.

- Bị đơn: anh Trần Thanh S, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị T có mặt. Bị đơn anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, chị với anh Trần Thanh S quyết định sống chung với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S quá nghe lời mẹ ruột trong tất cả mọi việc, không có chính kiến riêng dẫn đến chị với mẹ chồng cũng mâu thuẫn với nhau. Chị với anh S cũng thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc, chi phí sinh hoạt trong gia đình. Anh S thường xuyên đi chơi ít khi chăm lo cho gia đình. Từ khi sinh con thứ ba thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị với anh S mỗi người tự làm, tự sống

không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy không còn tình cảm nên chị quyết định sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay . Nay chị T yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị T xin được ly hôn với anh Trần Thanh S.

+ Về quan hệ con chung: có 03 con chung tên Trần Huy H sinh ngày 03/02/2010, Trần Gia H sinh ngày 22/4/2016 và Trần Ngọc Như Y sinh ngày 09/11/2018. Huy Hoàng hiện đang sống với chị T, Gia H và Như Y hiện đang sống với anh S. Sau ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Huy H, đồng ý để anh S tiếp tục nuôi Gia H và Như Y. Không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Trần Thanh S: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh S nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh S vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị Trinh.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã tự từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên:

Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh S.

Về con chung: giao cháu Huy H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Gia H và Như Y cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Chị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Trần Thanh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân H, xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh Trần Thanh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Phan Thị T và anh Trần Thanh S chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vọng T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/KH, ngày 29/5/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Phan Thị T, thấy: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T trình bày rằng quá trình chung sống với chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và chi phí sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng không quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, tự làm tự sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Đến năm 2022 vợ chồng quyết định sống ly thân cho đến nay. Khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân vợ chồng cũng có gặp nhau, cố gắng hàn gắn lại tình cảm nhưng không có kết quả. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn cũng thể hiện rõ hiện nay chị T và anh S đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh S vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.3] Về quan hệ con chung: Qua chứng cứ chị T cung cấp thì chị T và anh S có 03 con chung tên Trần Huy H sinh ngày 03/02/2010, Trần Gia H sinh ngày 22/4/2016 và Trần Ngọc N sinh ngày 09/11/2018. Từ khi sống ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi Huy H; anh S trực tiếp nuoi Gia H và Như Y. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 nguyện vọng của cháu Huy H là được tiếp tục sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, để đảm bảo ổn định

cuộc sống cho các cháu cần giao cháu Huy H cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Gia H và Như Y cho anh S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[4] Về án phí: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27/KH, ngày 29/5/2009 ngày của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Trần Huy H sinh ngày 03/02/2010 (hiện đang sống với chị T) cho chị Phan Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao con chung Trần Gia H sinh ngày 22/4/2016 và Trần Ngọc N sinh ngày 09/11/2018 (hiện đang sống với anh S) cho anh Trần Thanh S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị T và anh Trần Thanh S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

- Về tài sản chung và nợ chung và nợ chung: không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Phan Thị T và anh Trần Thanh S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011660 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị T được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Thanh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm